

# KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP TRONG PHÁT ÂM TIẾNG VIỆT CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC

## DIFFICULTIES AND SOLUTIONS IN VIETNAMESE PRONUNCIATION FOR CHINESE LEARNERS

Trịnh Thị Thu Hiền<sup>1,\*</sup>

DOI: <http://doi.org/10.57001/huiv5804.2025.310>

### TÓM TẮT

Phát âm là một trong những khó khăn lớn nhất đối với người Trung Quốc khi học tiếng Việt, đặc biệt là trong việc phát âm thanh điệu và phụ âm cuối. Do sự khác biệt về hệ thống ngữ âm giữa hai ngôn ngữ, người học thường mắc các lỗi phổ biến như nhầm lẫn thanh huyền - nặng, hỏi - nặng, ngã - sắc, cũng như bỏ hoặc phát âm sai phụ âm cuối (p, t, k, ng, nh). Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu từ bản ghi âm của học viên trình độ B2 - C1 để phân tích thực trạng phát âm và xác định các lỗi chính. Dựa trên kết quả phân tích, bài báo đề xuất một số giải pháp hiệu quả giúp học viên cải thiện khả năng phát âm, đồng thời giúp giảm thiểu lỗi phát âm, nâng cao khả năng giao tiếp và sử dụng tiếng Việt một cách tự nhiên hơn. Các nghiên cứu tiếp theo có thể ứng dụng công nghệ nhận diện giọng nói vào giáo trình giảng dạy, giúp quá trình học phát âm tiếng Việt trở nên trực quan và hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** Phát âm tiếng Việt, lỗi phát âm, thanh điệu, phụ âm cuối, người học Trung Quốc, công nghệ nhận diện giọng nói.

### ABSTRACT

Pronunciation is one of the most significant challenges for Chinese learners learning Vietnamese, particularly in mastering tones and final consonants. Due to phonetic differences between the two languages, common errors include confusion between tones (huyền - nặng, hỏi - nặng, ngã - sắc) and omission or mispronunciation of final consonants (p, t, k, ng, nh). This paper reports pronunciation difficulties based on B2 - C1 level learners' recorded speech and identifies key pronunciation errors. Based on these findings, the paper proposes effective solutions that can help learners reduce pronunciation errors, improve communication skills, and speak Vietnamese more naturally. Future studies could further explore the integration of speech recognition technology into pronunciation training, making Vietnamese learning more intuitive and effective.

**Keywords:** Vietnamese pronunciation, pronunciation errors, tones, final consonants, Chinese learners, speech recognition technology.

<sup>1</sup>Viện Ngôn ngữ học

\*Email: mebinbong19a@gmail.com

Ngày nhận bài: 27/5/2025

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 05/8/2025

Ngày chấp nhận đăng: 28/8/2025

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiếng Việt và tiếng Trung có mối quan hệ lịch sử và văn hóa lâu đời, vì vậy, tiếng Việt cũng có nhiều tương đồng so với tiếng Hán, đặc biệt là về từ vựng và cách cấu tạo ngữ pháp. Tuy nhiên, khi học tiếng Việt, người Trung Quốc vẫn gặp phải nhiều khó khăn, đặc biệt là vấn đề phát âm.

Thực tế, người Trung Quốc có nhiều lợi thế khi học tiếng Việt, chẳng hạn cả tiếng Việt và tiếng Trung đều là ngôn ngữ có thanh điệu. Khác với chữ Hán phức tạp, tiếng

Việt sử dụng bảng chữ cái Latin và có nhiều âm tiết tương tự với phiên âm tiếng Trung (Pinyin) nên giúp người học có cảm giác thân thuộc hơn khi phát âm, đồng thời dễ dàng nhận diện mặt chữ hơn so với các ngôn ngữ như tiếng Nhật hay tiếng Hàn. Số lượng từ vựng tiếng Việt có gốc Hán khá lớn, cũng giúp sinh viên dễ đoán nghĩa của từ khi học.

Tuy nhiên, tiếng Việt có số lượng thanh điệu và phụ âm cuối tương đối khác với tiếng Hán. Chính vì vậy, đối với học viên Trung Quốc, việc phát âm chính xác từ vựng



điều và tạo ra các từ có sound dài (ví dụ: *tán, tầm, tảng, tạnh, tan, tã*). Điều này giúp các học viên dễ dàng phân biệt và có hiệu quả khi học phát âm.

Ngoài 6 phụ âm cuối nói trên, trong tiếng Việt còn có thêm 2 bán nguyên âm /-w, -j/ được viết là [u/o] và [i/ y] trong các từ *mau, hao, hai, tay...*

#### d. Hệ thống Âm đệm

Ngoài phụ âm đầu, âm chính và âm cuối, trong tiếng Việt còn có âm đệm (libialization) là /-w-/ được viết là /u/ và /o/; trong đó, /u/ luôn đứng trước các nguyên âm đơn /y, ê, ơ, â/ trong các từ như *luân, tuyn, huệ, huơ...* và 2 nguyên âm đôi /ya/, /yê/ trong các từ như *khuya, khuyên...*, đồng thời đứng sau phụ âm đầu /q/ trong các từ như *quân, quê...*; còn âm đệm /o/ luôn đứng trước các nguyên âm /a, ă, e/ trong các từ như *toán, xoăn, khoe...* Các âm đệm này có chức năng làm trầm hóa và mềm mại âm sắc của âm tiết [5, 6].

#### 2.3.2. Trong tiếng Trung

Trong tiếng Trung, hệ thống nguyên âm và phụ âm được gọi là Thanh mẫu và Vận mẫu.

+ Thanh mẫu trong tiếng Trung chính là phụ âm bao gồm 18 phụ âm đơn là: /b, p, m, f, d, t, n, l, g, k, h, j, q, x, z, c, s, r, y, w/ và 3 phụ âm kép là /zh, ch, sh/. Còn 2 phụ âm không chính thức là /y/ và /w/ chính là 2 nguyên âm /i/ và /u/ khi nó đứng đầu câu.

+ Vận mẫu trong tiếng Trung còn gọi là nguyên âm, cũng tương đương với phần Vần trong tiếng Việt. Hệ thống ngữ âm chữ Hán có 39 vận mẫu, được phân thành vận mẫu đơn và vận mẫu kép.

Vận mẫu đơn là vận mẫu do 1 nguyên âm tạo thành; bao gồm 6 nguyên âm đơn là /a, o, e, i, u, ü/.

Vận mẫu kép là vận mẫu do 2 hoặc 3 nguyên âm kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với 2 phụ âm mũi là /n/ và /ng/ tạo thành, gồm 5 nhóm vận mẫu kép là (1) Nhóm vận mẫu ghép của /a, e, o/: /ai, ei, ao, ou, an, en, ang, eng, ong/; (2) Nhóm vận mẫu ghép của /ü/: /üe, üan, ün/; (3) Nhóm vận mẫu ghép của /i/: /ia, ie, iao, iou, ian, iang, in, ing, iong/; (4) Nhóm vận mẫu ghép của /u/: /ua, uo, uai, uei, (-ui), uan, uen, (-un), uang, ueng/; (5) Vần cuốn lưỡi /l /er/ [2, 7].

Như vậy, có thể thấy, trong tiếng Trung chỉ có duy nhất 2 phụ âm mũi cuối /n/ và /ng/, trong khi tiếng Việt có tới 4 phụ âm mũi cuối là /m, n, ng, nh/ và 4 phụ âm tắc bật hơi /p, t, c, ch/ (8 phụ âm cuối).

#### 2.4. Hệ thống thanh điệu

Tiếng Việt với 6 thanh điệu và 5 dấu thanh khác nhau được coi là ngôn ngữ có nhiều thanh điệu nhất trong số

các ngôn ngữ có thanh điệu gồm: tiếng Hán (Trung Quốc - 4 thanh điệu), tiếng Thái Lan và tiếng Lào (5 thanh điệu). Cũng bởi vậy mà tiếng Việt được coi là một trong những ngôn ngữ khó học trên thế giới.

Bảng 2 là tổng hợp hệ thống thanh điệu tiếng Việt và tiếng Trung Quốc.

Bảng 2. Tổng hợp hệ thống thanh điệu tiếng Việt và tiếng Trung Quốc

| Ngôn ngữ    | Số lượng thanh điệu | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ví dụ minh họa                                                                                            |
|-------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tiếng Trung | 4 thanh điệu        | <b>Thanh 1</b> (阴平 - yīn píng): cao và đều<br><b>Thanh 2</b> (阳平- yáng píng): lên cao<br><b>Thanh 3</b> (上声- shàng shēng): thấp, xuống rồi lên<br><b>Thanh 4</b> (去声- qù shēng): cao, rồi xuống nhanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | mã (妈 – mẹ)<br>má (麻 – gai)<br>mǎ (马 – ngựa)<br>mà (骂 – chửi)<br>(ma -> ạ)                                |
| Tiếng Việt  | 6 thanh điệu        | <b>Thanh ngang (không dấu):</b> cao, bằng phẳng, ổn định<br><b>Thanh huyền:</b> thấp, đi xuống, ổn định<br><b>Thanh sắc:</b> có hai kiểu<br>1. rất cao, đi lên, âm ngắn, nhanh khi kết hợp với phụ âm cuối /p, t, c, ch/<br>2. cao vừa, đi lên, âm dài, chậm khi kết hợp với các từ có phụ âm cuối /m, n, ng, nh/ và các trường hợp khác.<br><b>Thanh hỏi:</b> thấp, xuống rồi lên nhẹ, dài<br><b>Thanh ngã:</b> cao, bắt đầu thấp giống thanh <i>nặng</i> rồi đột ngột lên cao như thanh <i>sắc</i> (trường hợp 1)<br><b>Thanh nặng:</b> rất thấp, ngắn, mạnh | ma (ma quý)<br>mà (nhưng)<br>mác, mát<br>má (mẹ), mán<br>mả (mộ)<br>mã (ngựa)<br>(mạ -> á)<br>mạ (cây mạ) |

### 3. NHỮNG LỖI PHÁT ÂM PHỔ BIẾN CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC TRONG KHI HỌC TIẾNG VIỆT

Dựa vào nguồn dữ liệu từ bản ghi âm của các sinh viên Trung Quốc đang học tiếng Việt (trình độ B2 - C1, tương đương với sinh viên năm thứ 3), chúng tôi nhận diện được một số lỗi khá phổ biến trong quá trình nói chuyện với

giáo viên và khi đọc bài, từ đó có thể tổng hợp một số lỗi phát âm phổ biến mà dù đã ở trình độ tương đối cao vẫn mắc phải khi học tiếng Việt.

### 3.1. Nhầm lẫn giữa các thanh điệu

Theo kết quả khảo sát, có 86 lỗi nhầm lẫn giữa các thanh điệu khi các em nói chuyện và khi đọc bài bằng tiếng Việt (tốc độ nhanh vừa phải do các em đều ở trình độ tiếng Việt tương đối khá).

Những lỗi này được sắp xếp theo thứ tự số lượng giảm dần, bao gồm: (1) Phát âm nhầm thanh Nặng (.) → thanh Huyền (ˊ); (2) Phát âm nhầm thanh Huyền (ˊ) → thanh Nặng (.); (3) Phát âm nhầm thanh Hỏi (ʔ) → thanh Huyền (ˊ); (4) Phát âm nhầm thanh Ngã (~) → thanh Sắc (ˊ). Bảng 1 thể hiện tổng hợp các lỗi nhầm thanh điệu.

Bảng 3. Tổng hợp các lỗi nhầm thanh điệu

| STT | Lỗi nhầm thanh điệu              | Số lượng (86) | Tỉ lệ (%) |
|-----|----------------------------------|---------------|-----------|
| 1   | Thanh Nặng (.) → thanh Huyền (ˊ) | 23            | 27,1      |
| 2   | Thanh Huyền (ˊ) → thanh Nặng (.) | 23            | 27,1      |
| 3   | Thanh Hỏi (ʔ) → thanh Huyền (ˊ)  | 21            | 24,4      |
| 4   | Thanh Ngã (~) → thanh Sắc (ˊ)    | 18            | 21,4      |

#### 3.1.1. Phát âm nhầm thanh Huyền thành thanh Nặng

Đây là một trong hai lỗi phát âm nhầm thanh điệu học viên dễ mắc phải nhất (23 lỗi), dù ở trình độ tiếng Việt tương đối cao (B2 - C1).

Ví dụ:

- mà → **mạ**: “nếu **mạ** anh ấy đi thì em không đi”
- vì → **vị**: “**vị** lúc em còn bé là mẹ em cứ dặn em...”; “...mấy hôm nay em không ăn **vị** em béo lên nhiều ...”
- mời → **mợi**: “khi ăn cơm phải **mợi** bố mẹ trước”
- rồi → **rội**: “ăn các món ngon thôi, cơm thì ăn ít **rội**”
- người → **ngươi**: “Quảng Đông **ngươi** ta không ăn được ớt”

Có thể thấy, nguyên nhân chính dẫn tới lỗi này là do trong tiếng Trung không có thanh Huyền như trong tiếng Việt. Hơn nữa, khi phát âm thanh Huyền chuẩn, người nói phải phát âm với âm vực đi xuống kéo dài, đều đều, nhưng vì người Trung Quốc đã quen với kiểu phát âm ngắn, nên thường dùng đột ngột khi nói với tốc độ hơi nhanh, đã khiến cho âm vực bị ngắt đoạn trở thành thanh Nặng.

#### 3.1.2. Phát âm nhầm thanh Nặng thành thanh Huyền

Đây là lỗi phát âm ngược lại với lỗi thứ nhất, nhưng cũng lại có số lượng mắc lỗi tương đương (23 lỗi).

Ví dụ:

- hạnh phúc → **hành phúc**: “chưa chắc cô ấy lấy anh ấy đã **hành phúc**...”
- mẹ → **mề**: “khi ăn phải mời bố **mề** ăn trước”; “**mề** em muốn em đi xa...”
- gia vị → **gia vi**: “người Trung Quốc cũng giống như người Việt Nam, thích ăn nhiều gia **vi**...”
- được → **đườn**: “Quảng Đông người ta không ăn **đườn** ớt”
- lại → **lài**: “Bảo nó đứng **lài** nó vẫn cứ đi...”. v.v.

Có thể thấy, nguyên nhân dẫn tới tình trạng này là do trong tiếng Trung cũng không có thanh Nặng như trong tiếng Việt mà chỉ có thanh 4 (phát âm cao rồi xuống thấp, phần kết thúc tuy hơi giống thanh Nặng trong tiếng Việt, nhưng âm điệu lại rất nhẹ, và dài hơn thanh Nặng). Còn thanh Nặng, khi muốn phát âm chuẩn phải ngắt nhanh, ngắn gọn và trầm hơn thanh 4 của tiếng Trung rất nhiều. Tuy nhiên, học viên khi phát âm thanh này lại có xu hướng kéo dài hoặc phát âm chưa đủ độ nặng nên âm điệu trở thành giống âm vực của thanh Huyền.

#### 3.1.3. Phát âm nhầm thanh Hỏi thành thanh Huyền

Lỗi phát âm này tuy không nhiều bằng hai lỗi trên, nhưng cũng có số lượng khá nhiều (21 lỗi).

Ví dụ:

- chủ yếu → **chù** yếu: “Bây giờ **chù** yếu là người già thích ăn món này thôi ạ”
- chỉ → **chì**: “Bây giờ cũng **chì** ăn các món ngon, không cần ăn nhiều nữa...”
- mãi → **mài**: “Em **mài** xem quá nên không biết chị đến...”
- trẻ → **trề**: “người **trề** thường muốn đi làm ăn xa thôi cô ạ”
- hỏi → **hòi**: “có nhiều người cũng **hòi** chị câu đấy...”

Thanh Hỏi trong tiếng Việt là một thanh điệu có âm điệu tuy có vẻ gần giống như thanh 3 trong tiếng Trung, tức là cách phát âm bắt đầu thấp, lên dần rồi ngừng. Tuy nhiên, thanh Hỏi trong tiếng Việt có trường độ dài hơn thanh 3 trong tiếng Trung, vì vậy, nếu không phát âm đủ độ kéo dài, thanh Hỏi sẽ ngắt và bị biến thành thanh Huyền. Các sinh viên có xu hướng quen cách phát âm thanh 3 ngắn cũng như phát âm các từ thường không đủ độ dài như tiêu chuẩn của thanh Hỏi trong tiếng Việt nên các âm điệu bị biến đổi gần giống thanh Huyền.

#### 3.1.4. Phát âm nhầm thanh Ngã thành thanh Sắc

Lỗi phát âm này có số lượng ít nhất, chỉ 18 lỗi.

Ví dụ:

- a. bát **đũa** → bát **đuá**: “Dạo này em sợ béo nên em chỉ dọn bát **đuá** thôi, em không ăn”
- b. cũng → **cúng**: “Nếu mà chị ấy đi thì em **cúng** đi cô ạ...”
- c. nữa → **núa**: “Trước kia thì bạn ấy muốn chuyển ngành, nhưng bây giờ thì không muốn **núa**...”
- d. mỗi → **mối**: “Không cô ạ. **Mối** lần như thế thì em lại phải đi xa hơn để tìm ạ...”

Thanh Ngã, cũng giống như thanh Huyền và thanh Nặng, không có trong tiếng Trung. Thêm vào đó, đây lại là một thanh điệu thách thức không chỉ với riêng người nước ngoài học tiếng Việt mà cả với một số người Việt Nam, bởi cách phát âm đặc biệt: hơi cao, rồi đột ngột xuống thấp và lại đột ngột lên cao, vì vậy mà được gọi là thanh điệu khúc khuỷu nhất trong 6 thanh.

Người nước ngoài nói chung, người Trung Quốc nói riêng nếu không được dạy kỹ năng phát âm thanh điệu này, thì hầu như đều có xu hướng phát âm thành thanh Sắc, vì thanh Sắc phát âm dễ và có âm điệu gần giống với âm điệu khi kết thúc thanh Ngã.

3.2. Lỗi khi phát âm các âm cuối

Trong tiếng Trung, âm tiết chỉ bao gồm thanh mẫu (phụ âm đầu) và vận mẫu (nguyên âm đơn, nguyên âm kép và các kết hợp của nguyên âm với 2 âm cuối /n/, /ng/; trong khi đó, tiếng Việt có cả một hệ thống âm cuối, đặc biệt là 2 nhóm phụ âm cuối /p/, /t/, /c/, /ch/ và /m/, /n/, /ng/, /nh/. Chính đặc điểm này là nguyên nhân khiến người Trung Quốc dễ mắc các lỗi phát âm âm cuối.

Các lỗi chủ yếu trong phát âm các âm cuối được sắp xếp theo thứ tự số lượng nhiều - ít, bao gồm (1) Lỗi lược bỏ phụ âm cuối /ng/ thành /n/, biến đổi phụ âm cuối /m/, /n/ thành /ng/, và lược bỏ phụ âm cuối /n/ ở các từ bắt đầu bằng nguyên âm; (2) Lỗi biến đổi phụ âm cuối /t/ thành /c/; (3) Bỏ qua bán nguyên âm cuối /i/ khi kết hợp với các âm chính là các nguyên âm tròn môi /o, ô, ơ/ khi nói nhanh. Bảng 4 thể hiện tổng hợp các lỗi phát âm âm cuối.

Bảng 4. Tổng hợp các lỗi phát âm âm cuối

| STT | Lỗi về âm cuối                                                                                               | Số lượng (139) | Tỉ lệ (%) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|
| 1   | Bỏ qua bán nguyên âm cuối /i/ khi kết hợp với các âm chính là các nguyên âm tròn môi /o, ô, ơ/ khi nói nhanh | 35             | 24,3      |
| 2   | Lỗi biến đổi phụ âm cuối /t/, /p/ và /ch/ thành /c/                                                          | 51             | 36,5      |

|    |                                                                                                                                                     |    |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------|
| 3. | Lỗi lược bỏ phụ âm cuối /ng/ thành /n/, biến đổi phụ âm cuối /m/, /n/, /nh/ thành /ng/, và lược bỏ phụ âm cuối /n/ ở các từ bắt đầu bằng nguyên âm. | 55 | 39,2 |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------|

3.2.1. Lỗi lược bỏ phụ âm cuối /ng/ thành /n/, biến đổi phụ âm cuối /m/, /n/ thành /ng/, và lược bỏ phụ âm cuối /n/ ở các từ bắt đầu bằng nguyên âm.

Đây là trường hợp mắc lỗi nhiều nhất, chiếm 39,2%, mặc dù trong tiếng Trung cũng có cả hai phụ âm mũi /n, ng/ là hai phụ âm duy nhất cùng xuất hiện trong các Vận mẫu kép.

Kết quả khảo sát cho thấy, học viên thường có xu hướng lược bỏ bớt /g/ trong âm cuối /ng/, biến đổi /m, n, nh/ thành /ng/, hoặc lược bỏ /n/ thành từ không có âm cuối khi nói các từ bắt đầu bằng nguyên âm khi nói tiếng Việt nhanh.

Ví dụ:

- a. vâng → **vân**: “**Vân** ạ. Cô cứ **làng** (làm) việc đi rồi chúng ta nghỉ một lúc ạ”
- b. ăn ít → **ă ít**: “Em bị béo lên rồi nên **ă ít** lắm cô ạ”
- c. quán → **quá**: “**chản hạ** (chẳng hạn) như là, nếu mà đến **quá ă** hoặc là **khác** sạn thì em sẽ **ă** nhiều hơn một tí”
- d. đến → **đế**: “Cô ấy đi qua cầu **đế** nhà kho ấy **man** (mang) cơm cho **chỗn** (chống).”
- e. Sáng → **sán**: “...không thì **sán** mai cô gọi cho em lúc 7 giờ rưỡi nhé”
- f. con → **cong**: “Trong cây tre ấy có **cong** sâu chít, mà nói **chun** (chung) là người Phổ Nhĩ rất thích **ă** (ăn)”
- g. làm → **làng**: “Mọi người đều **làng** rồi cô ạ” . v.v.

Nguyên nhân của lỗi này chủ yếu là do tốc độ nói hơi nhanh một chút khiến cho người nói có xu hướng lướt qua các âm cuối, không đảm bảo phát âm đủ độ dài của từ, trong khi tất cả các từ có phụ âm cuối /m, n, ng, nh/ đều là những từ có âm điệu dài hơi.

3.2.2. Lỗi biến đổi phụ âm cuối /t/, /p/, /ch/ thành /c/

Đây là lỗi phát âm lớn thứ hai khi học sinh nói tiếng Việt, đặc biệt là khi nói nhanh. Kết quả khảo sát cho thấy, tới 36,5% trường hợp các từ tiếng Việt bị biến đổi âm cuối /t/, /p/, /ch/ thành /c/.

Ví dụ:

- a. bát → **bác**: “Người Giang Tô cũng thích uống rượu bằng **bác** to như người Mảng của Việt Nam”
- b. mát → **mác**/ quạt → **quạc**: “Ở Phổ Nhĩ quê em, người ta không cần dùng **quạc** cũng **mác** vì thời tiết ở đây rất tốt”

c. nhạt → **nhạc**: “Phong tục này bây giờ cũng **nhạc** đi nhiều rồi ạ nên có ít người tham gia”

d. một chút → một **chúc**: “Em cũng uống được một **chúc** thôi ạ...”

e. thích → **thíc**/ ít → **íc**: “Em cúng thề, **thíc** cà phê hơn”; “tối thì em sẽ ăn **íc** đi”

f. cập nhật → **cạc nhậ**: “Các thông tin này chúng em đều mới **cạc nhậ** từ mấy hôm trước”.

Nguyên nhân gây ra tình trạng này là do trong tiếng Trung, các phụ âm /t/, /p/, /ch/ không xuất hiện ở cuối âm tiết, nên khi gặp các từ có phụ âm cuối /t/, /p/, /ch/, học viên thường có xu hướng thay thế bằng âm gần nhất là /c/.

### 3.2.3. Lỗi bỏ qua bán nguyên âm cuối /i/ khi kết hợp với các âm chính là các nguyên âm tròn môi /o, ô, ơ/

Đây cũng là một lỗi tương đối phổ biến khi người học nói tiếng Việt nhanh, chiếm khoảng 24,3%.

Nguyên nhân chính của tình trạng này cũng là do trong số các Vận mẫu trong tiếng Trung không có nguyên âm tròn môi /ô/ và /ơ/ như trong tiếng Việt mà chỉ có nguyên âm /o/ được đọc như /ô/ trong tiếng Việt. Thêm nữa, nguyên âm này lại không kết hợp với /i/ trong nhóm các vận mẫu kép. Vì vậy mà người Trung Quốc không quen với các kết hợp /-oi, -ôi, -ơi/, nên có xu hướng bỏ qua bán nguyên âm /-i/ trong các từ có chứa 3 vần này.

Ví dụ:

a. nói → **nó**: “Nếu mà anh ấy không **nó** thì em cũng không biết đâu”

b. mới → **mớ**: “Xe ô tô vừa **mớ** chạy mà bạn ấy đã bị say”

c. cây cối → cây **cố**: “Vườn nhà đó **cúng** (cũng) có nhiều cây **cố** lắm”

d. mỗi → **mớ**: “**Mớ** cây **mớ** hoa, **mớ** nhà **mớ** cảnh”

e. nơi → **nơ**: “...**nơ** nào em **cúng** (cũng) tìm nhưng mà không thấy”

Như vậy, các thống kê khảo sát ở trên cho thấy có 3 nguyên nhân chủ yếu dẫn tới những khó khăn cho sinh viên Trung Quốc khi học nói tiếng Việt:

Thứ nhất, là do sự khác biệt về hệ thống âm vị giữa hai ngôn ngữ.

Thứ hai, thói quen phát âm và nói tiếng Việt theo cách phát âm tiếng Trung Quốc.

Thứ ba, thói quen nói nhanh cũng ảnh hưởng tới người Trung Quốc khi nói tiếng Việt, nhất là những người đã đạt tới trình độ từ B2 trở lên.

## 4. NHỮNG GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC LỖI PHÁT ÂM CHO NGƯỜI TRUNG QUỐC HỌC TIẾNG VIỆT

Dưới đây là một số giải pháp giúp các học viên cải thiện kĩ năng phát âm tiếng Việt.

### 4.1. Nhận diện sự khác biệt giữa hệ thống phụ âm cuối của tiếng Trung và tiếng Việt

Tiếng Trung phổ thông chỉ có hai phụ âm cuối chính là /n/ và /ng/, trong khi tiếng Việt có thêm /p/, /t/, /c/, /ch/, /m/, /nh/, vì vậy mà người học dễ dàng bỏ sót phụ âm cuối do không quen với các âm tiết kết thúc bằng các phụ âm đó.

Để khắc phục tình trạng này, cần có một Bảng đối chiếu âm cuối giữa tiếng Trung và tiếng Việt, giúp cho người học làm quen và hiểu được sự khác biệt (bảng 5).

Bảng 5. Đối chiếu âm cuối giữa tiếng Trung và tiếng Việt

| Phụ âm cuối tiếng Việt | Ví dụ tiếng Việt | Tương đương trong tiếng Trung | Khả năng bị bỏ sót |
|------------------------|------------------|-------------------------------|--------------------|
| /p/                    | hẹp, thấp        | Không có                      | Rất cao            |
| /t/                    | nhát, bát        | Không có                      | Rất cao            |
| /c/                    | học, khác        | Không có                      | Rất cao            |
| /ch/                   | sạch, sách       | Không có                      | Rất cao            |
| /m/                    | cắm, mằm         | Không có                      | Cao                |
| /n/                    | bản, chân        | /n/                           | Trung bình         |
| /ng/                   | sáng, vàng       | /ng/                          | Trung bình         |
| /nh/                   | bánh, nhanh      | Không có                      | Cao                |

### 4.2. Luyện tập với các bài tập kéo dài phụ âm cuối

Để khắc phục tình trạng bỏ qua âm cuối, hoặc biến đổi âm cuối theo ngữ âm tiếng Trung, cần cho người học luyện tập phát âm kéo dài âm cuối để tập trung vào việc phát âm rõ ràng hơn.

Ví dụ: Đọc từ có âm cuối thật chậm: sááááá... hácccccc... hánnnnnn...

Sau khi luyện, ghi âm và nghe lại để kiểm tra xem mình đã giữ đúng phụ âm cuối hay chưa.

Nên dùng phương pháp "Shadowing" (lặp lại ngay lập tức sau khi nghe mẫu chuẩn), bằng cách cho người học nghe một câu mẫu từ giáo viên hoặc người bản xứ, sau đó để họ bắt chước và nhấn mạnh phụ âm cuối.

Ví dụ: Nghe câu "Tôi đang tập thể dục" → Lặp lại và nhấn mạnh "tập" thay vì "tác".

### 4.3. Luyện phát âm theo cặp từ có và không có phụ âm cuối

Cho người học luyện đọc cặp từ đối lập (bảng 6) để cảm nhận sự khác biệt về âm sắc và độ ngắn dài. Sau khi

luyện tập, cho học viên ghi âm lại và so sánh với giọng mẫu để kiểm tra xem đã phát âm rõ phụ âm cuối hay chưa.

Bảng 6. Ví dụ cặp từ có - không có phụ âm cuối

| Từ có phụ âm cuối | Từ không có phụ âm cuối |
|-------------------|-------------------------|
| Học               | Họ                      |
| Đẹp               | Đẹ                      |
| Mát               | Má                      |
| Bác               | Bá                      |
| Tan               | Ta                      |
| Vàng              | Và                      |

**4.4. Luyện tập thanh điệu bằng phương pháp phản xạ âm thanh**

a. Nghe và bắt chước: Người học có thể sử dụng các bài nghe chuẩn, nghe từng từ rồi lặp lại để điều chỉnh giọng chuẩn theo mẫu [5].

b. Ghi nhớ và đọc đúng tên 6 thanh điệu: Đọc chính xác tên từng thanh điệu trước khi đọc từ, để đảm bảo đọc từ chính xác thanh điệu cho tới khi thuộc hết dấu thanh.

**4.5. Sử dụng công cụ Google Speech to Text để luyện tập**

Google Speech to Text là công cụ chuyển đổi giọng nói thành văn bản, được thiết kế nhằm tối ưu hóa hiệu quả trong học tập và công việc một cách tiện dụng. Đây chính là công cụ có khả năng nhận diện ngôn ngữ chính xác, có thể giúp người học tiếng Việt có thể nhận diện được lỗi phát âm của bản thân khi nhập liệu giọng nói của mình thành văn bản, từ đó luyện tập được cách phát âm chính xác cũng như cách học thuộc từ mới hiệu quả.

**4.6. Tạo môi trường giao tiếp thực tế với người bản xứ**

Người học tốt nhất tham gia các lớp học tiếng Việt với giáo viên là người Việt Nam trực tiếp hoặc trực tuyến. Ngoài ra, có thể luyện tập phát âm tiếng Việt thông qua các ứng dụng giao tiếp như Duolingo, Hello Talk. Giải pháp khác là sử dụng phần mềm Chat GPT để tạo yêu cầu bài luyện tập nhận diện từ tiếng Việt thông qua phát âm. Bên cạnh đó, người học còn có thể tham gia các câu lạc bộ tiếng Việt hoặc thực hành với giáo viên người Việt.

**5. KẾT LUẬN**

Việc học phát âm tiếng Việt đối với người Trung Quốc là một thử thách lớn do sự khác biệt đáng kể về hệ thống âm vị, thanh điệu và cấu trúc âm tiết giữa hai ngôn ngữ.

Qua phân tích dữ liệu từ bản ghi âm của các học viên trình độ B2-C1, nghiên cứu đã chỉ ra những lỗi phát âm phổ biến, bao gồm nhầm lẫn giữa các thanh điệu (huyền

- nặng, hỏi - nặng, ngã - sắc), lỗi bỏ hoặc phát âm sai phụ âm cuối (p, t, c, ch, m, n, ng, nh). Những lỗi này không chỉ làm thay đổi ý nghĩa của từ mà còn ảnh hưởng đến sự tự nhiên và tính chính xác trong giao tiếp của người học.

Nguyên nhân chính dẫn đến những lỗi này bao gồm: sự khác biệt trong hệ thống ngữ âm của tiếng Việt và tiếng Trung, thói quen phát âm theo tiếng mẹ đẻ, và xu hướng nói nhanh khiến âm tiết bị lược bỏ hoặc biến đổi.

Để khắc phục, nghiên cứu đã đề xuất các phương pháp cụ thể như luyện tập nhận diện sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, sử dụng phần mềm phân tích giọng nói Google Speech to Text, thực hành với bảng đối chiếu âm vị, luyện tập phát âm theo cặp từ đối lập, và tham gia các hoạt động giao tiếp với người bản xứ. Những phương pháp này không chỉ giúp cải thiện phát âm của người học mà còn nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Việt một cách tự tin và tự nhiên hơn. Các nghiên cứu sâu hơn có thể tập trung vào việc xây dựng giáo trình giảng dạy phát âm chuyên biệt cho người học Trung Quốc, tích hợp công nghệ nhận diện giọng nói để hỗ trợ sửa lỗi phát âm hiệu quả hơn.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến, *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2022.

[2]. Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.

[3]. Nguyễn Thiện Giáp, *Dẫn luận ngôn ngữ học*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.

[4]. Tiếng Trung Cẩm Xu, *Hệ thống phiên âm Tiếng Trung cơ bản-Thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu*, <https://tiengtrungcamxu.com/he-thong-phiên-am-tieng-trung-co-ban-thanh-mau-van-mau-thanh-dieu.html>

[5]. Đại học Quốc gia Hà Nội, *Tiếng Việt và việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997.

[6]. Vũ Văn Thi, "Một số vấn đề dạy ngữ âm và chữ viết cho người nước ngoài," *Tạp chí Ngôn ngữ*, 12, 2004.

[7]. Giải tiếng Trung, *Bảng phiên âm tiếng Trung - Nhóm thanh mẫu tiếng Trung*, <https://gioitiengtrung.vn/hoc-ngu-am-tu-a-z>

**AUTHOR INFORMATION**

**Trình Thị Thu Hiền**  
Institute of Linguistics, Vietnam